

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình:
Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc và khuôn viên Trung tâm
Bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH4 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 364/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc và khuôn viên Trung tâm Bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2324/SXD-HĐXD ngày 14/4/2021 và Công văn số 2904/SXD-HĐXD ngày 09/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc và khuôn viên Trung tâm Bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc và khuôn viên Trung tâm Bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ.
2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
3. Chủ đầu tư: Trung tâm Bảo tồn Di sản Thành Nhà Hồ.
4. Địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc.
5. Nhà thầu thiết kế, lập dự toán xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Hoàng Thịnh.
6. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa.
7. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ, viên chức;

đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Di sản phục vụ du khách tham quan.

8. Quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế chủ yếu

8.1. Nhà làm việc

a) *Quy mô công trình hiện trạng*: Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật có kích thước 2,4x13,6m. Tổng chiều cao công trình từ cos +0.00 đến đỉnh mái là 7,665m.

b) *Phương án cải tạo*:

- Thay mới trần thạch cao. Thay toàn bộ phào trần thạch cao bằng phào nhựa PU 12cm. Thay mới mái tôn bằng mái tôn xộp chống nóng. Thay mới tôn thung bằng tôn dày 0,4mm.

- Đục bỏ toàn bộ lớp vữa trát tường trong và ngoài nhà. Trát lại bằng vữa xi măng (VXM) mác 75, dày 1,5cm. Sơn lại toàn bộ tường bằng 01 nước lót 02 lớp màu. Lát lại nền bằng gạch kích thước 600x600mm. Lát lại nền vệ sinh bằng gạch chống trơn kích thước 300x300mm. Ốp lại tường khu vệ sinh bằng gạch 300x600 cao 2,1m.

- Thay mới cửa, vách bằng cửa nhôm hệ kính dày 6,38mm. Thay mới toàn bộ hoa sắt cửa sổ. Hoa sắt thép đặc 13x26x1,4mm. Đánh gỉ, sơn lại 02 lớp chống gỉ khung sắt xung quanh. Ốp mới đá granit tam cấp. Cửa đi D1, D2 đánh gỉ, sơn chống gỉ hoàn thiện.

- Lắp mới kim thu sét, hệ thống dây tiếp đất (đến điểm tiếp đất).

- Thay mới thiết bị vệ sinh và hệ thống thoát nước mái.

- Thay mới thiết bị điện.

- Bổ sung hệ thống phòng cháy chữa cháy gồm: chữa cháy tại chỗ sử dụng bình chữa chất MT3-CO2 và bình chữa cháy MFZ4, vị trí tại hành lang.

8.2. Khuôn viên cổng Nam

- Phần taluy bờ kè: Kè và gia cố lại phần taluy bờ kè bị hư hỏng, sụt lún

- Khuôn viên trồng cây: Thay thế nền đất cát bằng đất màu, xây bồn hoa bằng gạch bê tông vữa xi măng mác 75.

- Trồng mới toàn bộ thảm thực vật, hoa ở khuôn viên cải tạo; bổ sung giếng khoan, hệ thống điện và hệ thống tưới tại khuôn viên.

- Cải tạo khuôn viên trưng bày mô hình tham quan “vận chuyển đá” và hiện vật ngoài trời.

8.3. Nhà xe (xây mới)

Mặt bằng có kích thước 8,85x10,27m, chiều cao công trình 3,44m trong đó sử dụng 2,69m, mái cao 0,75m. Cấu tạo mái bằng vì kèo, lợp tôn. Nền đổ bê tông đá 1x2 mác 200, dày 100. Kết cấu móng bằng móng đơn BTCT mác 200 đá

1x2, cột dùng thép ống D90, vùi kèo sắt hộp 40x80x2mm.

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 3.359.555.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.790.191.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 83.249.153 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 284.479.130 đồng;
- Chi phí khác: 41.656.986 đồng;
- Chi phí dự phòng: 159.978.813 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

10. Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh (Nguồn chi mua sắm, sửa chữa trong chi quản lý hành chính hàng năm).

11. Thời gian thực hiện: Năm 2021.

12. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực.

Điều 2. Trung tâm bảo tồn di sản Thành Nhà Hồ (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Giám đốc Trung tâm bảo tồn di sản Thành Nhà Hồ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.(Mld50)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đâu Thanh Tùng

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**Dự án: Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc và khuôn viên Trung tâm Bảo tồn
Di sản Thành Nhà Hồ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh).

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền (Sau VAT)
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Dự toán chi tiết	2.790.191.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,282\%$	83.249.153
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD		284.479.130
1	Chi phí khảo sát xây dựng	Theo Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh	22.837.000
2	Chi phí giám sát công tác khảo sát	nt	929.923
3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	nt	685.110
4	Chi phí lập Báo cáo KT-KT	nt	142.141.527
5	Chi phí thẩm tra thiết kế	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,258\%$	7.198.693
6	Chi phí thẩm tra dự toán	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,250\%$	6.975.478
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,432\%$	12.053.625
8	Chi phí giám sát thi công xây lắp	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,285\%$	91.657.774
IV	CHI PHÍ KHÁC		41.656.986
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	$G_{GSXD}^{\text{trước VAT}} \times 20\%$	18.331.555
2	Lệ phí thẩm định Báo cáo KT-KT	$TMĐT \times 0,019\% \times 50\%$	319.158
3	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,100\%$	2.536.537
5	Chi phí bảo hiểm công trình	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,080\%$	2.232.153
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	$TMĐT \times 0,570\%$	18.237.583
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		159.978.813
1	Khối lượng phát sinh	$(I+II+III+IV+V) \times 5,0\%$	159.978.813
	TỔNG CỘNG (làm tròn)		3.359.555.000